

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên trường:** Trung học phổ thông Thanh Lộc
- 2. Địa chỉ:** 116 Nguyễn Thị Sáu, phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 02837176427
Email: thanhloc@thpt-thanhloc-tphcm.edu.vn
Cổng thông tin điện tử: <https://thpt-thanhloc-tphcm.edu.vn>

3. Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

a. Sứ mệnh

Xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, tiên tiến, thân thiện, tạo điều kiện tốt nhất để học sinh được học tập, rèn luyện và phát triển năng lực cá nhân về trí tuệ, tính độc lập sáng tạo và khả năng hợp tác, thích ứng.

b. Tầm nhìn

Phấn đấu trở thành trường THPT uy tín có: chất lượng giáo dục khá tốt và ổn định; đội ngũ giáo viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, tâm huyết với nghề; cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ đáp ứng được việc dạy và học; đội ngũ cán bộ quản lý tận tâm, chuyên nghiệp; được phụ huynh và học sinh tin tưởng, lựa chọn để học tập và rèn luyện.

b. Mục tiêu

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, xây dựng trường học thân thiện, tạo ra môi trường lành mạnh cho học sinh phát huy khả năng học tập và rèn luyện.

Xây dựng đội ngũ sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

Xây dựng trường học có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường học tập thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường Trung học phổ thông Thanh Lộc được thành lập năm 1986 theo Quyết định số 104/QĐ/UB ngày 13 tháng 8 năm 1986 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với

tên là trường Phổ thông trung học Thạnh Lộc. Đến năm 2002, trường đổi tên thành trường Trung học phổ thông Thạnh Lộc theo quyết định số 1862/QĐ-UB ngày 06/05/2002.

Trong quá trình phát triển, nhà trường luôn có nhiều cố gắng và đạt nhiều thành tích: học sinh của trường luôn đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố, tỷ lệ tốt nghiệp Trung học phổ thông hàng năm tăng lên và đạt 100%, trong đó trên 85% học sinh đầu vào các trường Đại học; trường danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liền.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Lương Văn Định – chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 116 Nguyễn Thị Sáu, phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0938288288

Email: luongvandinh@hcm.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Trường Trung học phổ thông Thạnh Lộc được thành lập năm 1986 theo Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 13 tháng 8 năm 1986 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 4213/QĐ-SGDĐT ngày 04/12/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
1	Lương Văn Định	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Văn Khanh	Phó Bí thư, Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Vũ Văn Tuấn	Chủ tịch công đoàn cơ sở	Thành viên
4	Phạm Thị Ánh sao	TTCM Tổ Ngữ Văn	Thành viên
5	Trần Ngọc Anh	TPCM Tổ Tiếng Anh	Thành viên
6	Nguyễn Thị Kim Nguyên	TTCM Tổ Địa	Thành viên
7	Chung Thị Phương Thủy	TTCM Tổ Sinh	Thành viên
8	Lê Trọng Hương Trang	TTCM Tổ Lý	Thành viên
9	Nguyễn Thanh Sang	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên
10	Trần Văn Tiến	TTCM Tổ Sử - GDQP	Thành viên
11	Huỳnh Anh Tuấn	Giáo viên	Thành viên
12	Tạ Duy Quỳnh	Giáo viên	Thành viên
13	Võ Mỹ Thảo Vân	Phó Chủ tịch UBND phường Thạnh Lộc	Thành viên
14	Nguyễn Hải Vân	Trưởng BDD CMHS trường	Thành viên
15	Võ Thị Thùy Trâm	Học sinh	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường:

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1142/QĐ- SGDDT ngày 08/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2701/QĐ- SGDDT ngày 31 tháng 08 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định điều động, bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 1098/QĐ- SGDDT ngày 22/4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của trường: Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT Thạnh Lộc được ban hành kèm theo Quyết định số 167-25/QĐ-GDDT-TC ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh

e) Thông tin về lãnh đạo đơn vị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Email – Điện thoại
1	Lương Văn Định	Hiệu trưởng	Email: 0938288288 Điện thoại: luongvandinh@hcm.edu.vn
2	Nguyễn Văn Khanh	Phó Hiệu trưởng	Email: vkhanhgddt@gmail.com Điện thoại: 0903677882
3	Đặng Văn Thạnh	Phó Hiệu trưởng	Email: 0903395144 Điện thoại:

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Kế hoạch chiến lược: Kế hoạch số 233/KH-THPT.TL ngày 26 tháng 12 năm 2021 về kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Thạnh Lộc giai đoạn 2021 – 2025.

- Quy chế dân chủ cơ sở: Quyết định số 341/QĐ-THPT.TL ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường THPT Thạnh Lộc.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	H3	H2	H1	X S	Khá	T B	Kém
I	Giáo viên	76		16	60				73	3		9	66	1	
1	Toán	12		4	8				12			1	11		
2	Vật Lý	6			6				5	1			6		
3	Hóa học	6		4	2				6			1	5		

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	H3	H2	H1	X S	Khá	T B	Ké m
4	Sinh học	4		2	2				3			4			
5	Công nghệ	3			3				3			1	2		
6	Tin học	4			4				3				4		
7	Ngữ văn	10		2	8				10				10		
8	Lịch sử- QP	8		1	7				8				8		
9	Địa lý	5		1	4				5			1	4		
10	Tiếng Anh	9		1	8				9				8	1	
11	GDKTPL	4		1	3				4			1	3		
12	GDTC	5			5				5				5		
II	Cán bộ quản lý	3		2	1				3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1				1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2			2			
III	Nhân viên	19			2	2	5	10							
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên học vụ	1			1										
7	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1					1								
9	Nhân viên bảo vệ	4					2	2							
10	Nhân viên phụ vụ, giám thị	8						8							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	44	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	44	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	6	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	44/44	
8	Bình quân học sinh/lớp	45.5	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	14.448	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2.596m ²	59m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	576m ²	96m ²
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	120m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục rèn luyện thể chất (m ²)	120m ²	
5	Diện tích phòng khác (....)(m ²)	900m	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	886	
2	Khối lớp 11	785	
3	Khối lớp 12	963	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	160	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	52	
2	Cát xét	14	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu projector	6	
6	Hệ thống âm thanh lớp	54	
7	Hệ thống âm thanh sân trường	2	
X	Nhà bếp		
XI	Nhà ăn	1	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú		
XIII	Nhà vệ sinh	10	Dùng cho giáo viên
		20	Dùng cho học sinh
XIV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	có	
XV	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	lưới điện	
XVI	Kết nối internet (ADSL)	có	
XVII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	https://thpt-thanhloc-tphcm.edu.vn/	
XVIII	Tường rào xây	Có tường rào bao quanh khuôn viên trường	

2. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường từ năm học 2024 - 2025
LỚP 10

STT	Tên sách	Nhà xuất bản
1.	Toán 10, tập 1, tập 2 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
2.	Ngữ văn 10, tập 1, tập 2 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
3.	Tiếng Anh 10 Friends Global	NXB GD VN
4.	Lịch sử 10 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
5.	Vật lí 10 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
6.	Hóa học 10 và chuyên đề học tập (Cánh diều)	NXB ĐHSP
7.	Sinh học 10 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN

8.	Địa lí 10 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
9.	Giáo dục kinh tế và pháp luật 10, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
10.	Tin học 10, chuyên đề học tập (Cánh diều)	NXB ĐHSP
11.	Công nghệ 10- Thiết kế và công nghệ, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
12.	Công nghệ 10- Công nghệ trồng trọt, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
13.	Giáo dục quốc phòng và an ninh 10 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
14.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 10 (Chân trời sáng tạo 1)	NXB GD VN
15.	Giáo dục thể chất 10- Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
16.	Giáo dục thể chất 10- Bóng rổ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
17.	Giáo dục thể chất 10- Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN

LỚP 11

STT	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Toán 11, tập 1, tập 2 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
2	Ngữ văn 11, tập 1, tập 2 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
3	Tiếng Anh 11 Friends Global	NXB GD VN
4	Lịch sử 11 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
5	Vật lí 11 và chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
6	Hóa học 11 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
7	Sinh học 11 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
8	Địa lí 11 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
10	Tin học 11, chuyên đề học tập (Cánh diều)	NXB ĐHSP
11	Công nghệ 11- Công nghệ cơ khí, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
12	Công nghệ 11- Công nghệ chăn nuôi, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
13	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
15	Giáo dục thể chất 11- Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
16	Giáo dục thể chất 11- Bóng rổ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
17	Giáo dục thể chất 11- Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN

LỚP 12

STT	Tên sách	Nhà xuất bản
1	Toán 12, tập 1, tập 2 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
2	Ngữ văn 12, tập 1, tập 2 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
3	Tiếng Anh 12 Friends Global	NXB GD VN
4	Lịch sử 12 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
5	Vật lí 12 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
6	Hóa học 12 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
7	Sinh học 12 và chuyên đề học tập (Chân trời sáng tạo)	NXB GD VN
8	Địa lí 12 và chuyên đề học tập (Cánh diều)	
9	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
10	Tin học 12 và chuyên đề học tập (Cánh diều)	NXB ĐHSP
11	Công nghệ 12, Công nghệ điện – điện tử, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
12	Công nghệ 12, Lâm nghiệp – thủy sản, chuyên đề học tập (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Chân trời sáng tạo bản 1)	NXB GD VN
14	Giáo dục thể chất 12- Bóng chuyền (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
15	Giáo dục thể chất 12- Bóng rổ (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN
16	Giáo dục thể chất 12- Cầu lông (Kết nối tri thức với cuộc sống)	NXB GD VN

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**1. Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường**

Nhà trường có thực hiện báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục và công khai trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của trường; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài

- Kết quả đánh giá ngoài công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Số quyết định – Cơ quan ban hành	Mức độ đạt kiểm định
Quyết định số 1494_108/QĐ-SGDĐT ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.	Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1

Kết quả đánh giá ngoài được công khai tại địa chỉ: <https://thpt-thanhloc-tpHCM.edu.vn/chung-nhan-truong-dat-chuan-chat-luong-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/n38467.htm>

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài và xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng để khắc phục các hạn chế.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1993	760	673	560
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1,642 (82.39%)	625 (82.24%)	549 (81.58%)	468 (83.57%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	310 (15.55%)	122 (16.05%)	105 (15.6%)	83 (14.82%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	35 (%)1.76	12 (1.58%)	14 (2.08%)	9 (%)1.61
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.3%)	1 (0.13%)	5 (0.74%)	0 (0%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1993	760	673	560
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	377 (18.92%)	113 (14.87%)	147 (21.84%)	117 (20.89%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1,119 (56.15%)	427 (56.18%)	375 (55.72%)	317 (56.61%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	473 (23.73%)	211 (27.76%)	137 (20.36%)	125 (22.32%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	24 (1.2%)	9 (1.18%)	14 (%)2.08	1 (0.18%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1423 (99.3%)	755 (99.34%)	668 (99.25%)	
a	Học sinh Xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	36 (1.81%)	9 (1.18%)	12 (1.78%)	15 (2.68%)
b	Học sinh Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	335 (16.81%)	102 (13.42%)	132 (19.61%)	101 (18.04%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	20 (1.39%)	9 (1.1%)	11 (1.6%)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	10 (0.69%)	5 (0.65%)	5 (0.74%)	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10 (0.69%)	9 (1.1%)	1 (.4%)	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	8 (0.4%)	2 (0.26%)	2 (0.29%)	4 (0.71%)

	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi	26	6	9	11
	học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	26	6	9	11
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	554			554
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	553			553
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	467 (84.44%)			467 (84.44%)
VII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1993/990	760/383	673/335	560/272
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	40	13	15	12

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nguồn kinh phí	Số tiền năm trước chuyển sang	Số tiền được cấp	Số tiền thực hiện
1	Nguồn kinh phí thường xuyên	0	14.601.799.933	14.601.799.933
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương (Trích từ nguồn kinh phí thường xuyên)	191.919.747	314.861.067	0
3	Nguồn kinh phí không thường xuyên	0	5.353.781.010	5.353.781.010
4	Nguồn cải cách tiền lương do ngân sách đảm bảo (Thực hiện chỉ CNTT theo Nghị quyết 08/2023)	1.095.390.015	9.900.366.238	10.472.553.008
5	Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/NĐ-CP	0	463.000.000	463.000.000

2. Nguồn thu sự nghiệp năm 2024

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thu	Số đã thu	Số đã chi
I	Tiền học phí	3.911.110.000	3.911.110.000
II	CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC		
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	1.605.218.000	1.605.218.000
2	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu	37.716.500	37.716.500
3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	161.686.400	161.686.400
4	Dịch vụ sử dụng máy lạnh	272.950.838	272.950.838
III	CÁC KHOẢN THU TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KHÁC		
1	Tiền tổ chức 2 buổi/ngày	4.186.290.000	4.186.290.000
2	Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống	1.287.945.000	1.287.945.000
3	Tiền tổ chức dạy ngoại ngữ với người nước ngoài	1.663.480.000	1.663.480.000
4	Tiền tổ chức giáo dục Stem	1.015.271.500	1.015.271.500
5	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021 - 2030	845.268.750	845.268.750
IV	CÁC KHOẢN THU CHO CÁ NHÂN HỌC SINH		
1	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ cho học sinh bán trú	200.200.000	200.200.000
2	Học phẩm	129.741.823	129.741.823
3	Tiền nước uống	7.250.749	7.250.749

3. Nguồn vận động tài trợ năm học 2024-2025

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán kinh phí được phê duyệt	Kinh phí thực tế vận động được		Sử dụng kinh phí
			Số tiền	Hình thức nhận tài trợ	
I	Hỗ trợ cơ sở vật chất	548.500.000	548.500.000	Hiện vật	548.500.000
1	Hỗ trợ cải tạo sân chơi cho học sinh 250m2	148.500.000	148.500.000	Hiện vật	148.500.000
2	Hỗ trợ trang bị 25 tivi cho các phòng học 10A6 đến 10A16 và 11A01 đến 11A14	400.000.000	400.000.000	Hiện vật	400.000.000
II	Hỗ trợ hoạt động giáo dục	241.700.000	164.400.000	Bằng tiền	164.400.000
1	Hỗ trợ hoạt động học tập cho học sinh	176.200.000	122.340.000	Bằng tiền	122.340.000
2	Hỗ trợ hoạt động phong trào, đoàn thể, văn thể mỹ, lễ hội, sự kiện học sinh	65.500.000	42.060.000	Bằng tiền	42.060.000
	Tổng cộng	790.200.000	712.900.000		712.900.000

4. Chính sách về miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc các diện năm học 2024-2025

Nội dung	Con Thương bình	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Dân tộc	Hòa nhập	Khó khăn
Số học sinh	1	5	12	6	32	66
Miễn, giảm	100%	100%	50%	100%	100%	50% và 100%

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Năm học 2024 – 2025, nhà trường thực hiện chương trình giáo dục GDPT 2018 đối với khối lớp 10, 11, 12. Nhà trường đã triển khai và chỉ đạo thực hiện đầy đủ các văn bản hướng dẫn chuyên môn, thực hiện chương trình, đánh giá, xếp loại các mặt giáo dục. Chú trọng việc đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy tính tích cực, phát triển phẩm chất năng lực học sinh đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lí, trong giảng dạy và học tập.

Tiếp tục triển khai dạy học trên nền tảng chuyển đổi số, định hướng giáo dục thông minh theo Quyết định số 1270/KH-SGDĐT về Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Nhà trường đã hoàn thành tốt kế hoạch năm học với các nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể thực hiện đúng với phương hướng nhiệm vụ chính đã đề ra, đạt được hầu hết các chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025.

Kết quả đạt được:

- Học sinh tốt nghiệp THPT: 99.810%
- Học sinh giỏi cấp thành phố: 11
- Học sinh đạt giải Olympic: 15
- Trường Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Đăng trên Website trường;
- Lưu: V, PHT(K).



